

Số: /TTr-TT-CLT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc gửi công văn xin ý kiến các Bộ ngành, địa phương về việc phê duyệt
Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất
nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030**

Kính gửi: Thứ trưởng Trần Thanh Nam

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã giao nhiệm vụ cho Cục Trồng trọt, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp triển khai nghiên cứu đánh giá hiện trạng các vùng sản xuất rau tập trung và xây dựng Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 (Quyết định số 1563/QĐ-BNN-TT ngày 28/4/2022).

Sau gần 2 năm thực hiện, đến nay Dự thảo Đề án đã được hoàn thiện đảm bảo các bước xây dựng theo Đề cương được phê duyệt, Cục Trồng trọt kính trình Thứ trưởng xem xét, có công văn gửi xin ý kiến các Bộ ngành, địa phương Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt Đề án bao gồm:

- (1) Dự thảo Tờ trình;
- (2) Dự thảo Quyết định phê duyệt Đề án;
- (3) Báo cáo xây dựng Đề án.

I. TÍNH CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trong những năm qua, sản xuất rau trên toàn quốc phát triển mạnh về cả quy mô diện tích và sản lượng, chủng loại đa dạng, phong phú; đã hình thành nhiều vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn đối với các loại rau chủ lực, phát huy được tiềm năng, lợi thế các vùng sinh thái và mang lại hiệu quả kinh tế cao; sản xuất từng bước chuyển theo hướng chất lượng và nâng cao giá trị gia tăng; sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ được quan tâm phát triển. Hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh tiếp tục được đổi mới phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản đã có kết quả và ngày càng được mở rộng. Năm 2021 diện tích rau có 974,3 nghìn ha, tăng 170 nghìn ha so với năm 2011; sản lượng đạt 18,3 triệu tấn tăng 4,9 triệu tấn so với năm 2011, bình quân sản lượng tăng 3,17%/năm. Giá trị sản xuất rau năm 2021 đạt 136 ngàn tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2011 và chiếm tỷ trọng 14,5% trong tổng giá trị sản xuất trồng trọt. Giá trị sản xuất rau đóng góp cho tăng trưởng trồng trọt giai đoạn 2011-2021 là 16,6%.

Tuy nhiên, sản xuất rau thời gian qua còn tồn tại nhiều yếu tố thiếu bền vững: công tác quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn, tập trung chưa được nhiều và chưa rõ trong phạm vi toàn quốc và từng vùng sinh thái, các địa phương lúng túng trong hoạch định lâu dài phát triển sản xuất rau an toàn; hình thức tổ chức sản xuất rau nhỏ lẻ theo phương thức truyền thống vẫn còn phổ biến, liên kết sản xuất giữa nhóm hộ

nông dân với doanh nghiệp tiêu thụ còn ít, lỏng lẻo; hệ thống phân phối tiêu thụ rau chưa phát triển, chủ yếu qua tư thương nhỏ lẻ không khuyến khích người sản xuất rau an toàn; các tiến bộ về công nghệ sau thu hoạch ít được áp dụng làm cho tỷ lệ hao hụt cao, chất lượng rau bị giảm; việc tổ chức sản xuất và kiểm tra giám sát thực hiện sản xuất rau an toàn còn nhiều bất cập, giảm sức cạnh tranh trên thị trường.

Với những lý do trên việc xây dựng Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 để cụ thể hoá chủ trương của Đảng và Chính phủ về cơ cấu lại ngành trồng trọt, nhằm phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh; cải thiện nhanh hơn đời sống của nông dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, sinh thái là cần thiết.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ XÂY DỰNG

Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 ngày 19/11/2018;

Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ Tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Quyết định số 417/QĐ-TTg, ngày 22/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt “Đề án phát triển ngành chế biến rau quả giai đoạn 2021-2030”.

Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Quá trình xây dựng Đề án

- Bộ Nông nghiệp và PTNT đã giao nhiệm vụ cho Cục Trồng trọt, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp triển khai nghiên cứu đánh giá hiện trạng các vùng sản xuất rau tập trung và xây dựng Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 (Quyết định số 1563/QĐ-BNN-TT ngày 28/4/2022).

- Cục Trồng trọt, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp tổ chức các đoàn đi khảo sát, điều tra đánh giá thực trạng tình hình phát triển sản xuất, bảo quản, sơ chế, chế biến và tiêu thụ rau tại 19 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trọng điểm về sản xuất rau. Ngoài ra Cục Trồng trọt gửi công văn đề nghị các Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh thành phố còn lại cung cấp thông tin cần thiết phục vụ xây dựng Đề án.

- Sau khi hoàn thành dự thảo Đề án, cơ quan soạn thảo đã tổ chức 02 hội thảo xin ý kiến các chuyên gia:

Ngày 21/12/2022, tổ chức hội thảo khu vực phía Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia, nhà khoa học và đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT một số tỉnh phía Nam (TP Hồ Chí Minh, Long An) vào dự thảo lần thứ nhất Đề án. Tiếp thu các ý kiến tại cuộc hội thảo và xây dựng dự thảo 02 Đề án.

Ngày 07/4/2023, tổ chức hội thảo khu vực phía Bắc tại Thành phố Hà Nội; lấy ý kiến góp ý của các chuyên gia, nhà khoa học và đại diện Sở Nông nghiệp và PTNT một số tỉnh phía Bắc (Hà Nội, Hải Dương, Hà Nam, Bắc Ninh, Hưng Yên, Vĩnh Phúc) vào dự thảo lần thứ hai Đề án. Tiếp thu các ý kiến tại cuộc hội thảo và xây dựng dự thảo lần thứ ba Đề án.

- Lấy ý kiến bằng văn bản của các Bộ, Ngành, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (Công văn số .../BNN-TT ngày). Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện dự thảo.

- Chính lý, hoàn thiện dự thảo Đề án, dự thảo tờ trình Thủ tướng Chính phủ, dự thảo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan Trung ương và địa phương, tổ chức, cá nhân. Xây dựng dự thảo lần thứ tư đề án xin ý kiến Lãnh đạo Bộ.

V. NHỮNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

- Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung phải phù hợp với Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung trên cơ sở phát huy tiềm năng, lợi thế về tài nguyên, khí hậu của các vùng sinh thái; nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm; bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện tổ chức sản xuất theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa các khâu trong chuỗi từ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm.

- Tăng cường chế biến sâu, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, xây dựng mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc; huy động các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát triển sản xuất rau hướng vào nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, áp dụng công nghệ cao, quy trình canh tác tiên tiến, đa dạng chủng loại, mùa vụ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng đang tăng nhanh trong nước và xuất khẩu.

b) Mục tiêu cụ thể

Đến năm 2030, diện tích các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung khoảng 40% tổng diện tích gieo trồng rau cả nước, sản lượng 10-11 triệu tấn; vùng trồng trọng điểm: đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên.

Trong đó:

- Tỷ lệ diện tích rau áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt

(VietGAP và tương đương...) tăng 10-15% năm.

- 100% diện tích được cấp mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc.
- Tỷ lệ diện tích được sản xuất dưới các hình thức hợp tác, liên kết đạt 30-35%.
- Tỷ lệ sản phẩm rau sử dụng làm nguyên liệu cho các cơ sở chế biến đạt trên 5%; giảm tổn thất sau thu hoạch 1 ÷ 2%.

3. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Về tổ chức sản xuất

Căn cứ Đề án Phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ đến năm 2030 được phê duyệt, các tỉnh, thành phố trực thuộc TW xác định quy mô, địa bàn vùng sản xuất rau an toàn, tập trung trong phương án quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch, kế hoạch có liên quan khác. Trên cơ sở đó xây dựng đề án, dự án, chính sách và bố trí nguồn lực phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương để phát triển có hiệu quả, bền vững các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung.

Các địa phương tiếp tục thực hiện chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư vào các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung; thúc đẩy hình thành các chuỗi liên kết sản xuất rau an toàn từ xây dựng vùng trồng, cấp, quản lý mã số vùng trồng đến bảo quản, sơ chế, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Các địa phương thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ thành lập mới, phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cả về chiều rộng và chiều sâu, để đảm bảo các hợp tác xã có đủ năng lực thương thảo với các doanh nghiệp cung ứng đầu vào, kỹ thuật canh tác và tiêu thụ sản phẩm.

Đối với hộ gia đình, cần chủ động liên kết với doanh nghiệp thông qua Hợp tác xã để hình thành vùng trồng tập trung, gắn với xây dựng mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm rau an toàn. Đồng thời, tích cực tham gia các khóa đào tạo về kỹ thuật canh tác rau an toàn, kiến thức thị trường,....

Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt: từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh rau an toàn (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...). Phát triển quản lý chuỗi cung ứng sản phẩm từ khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến đến tiêu thụ tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia nông nghiệp, nông thôn phục vụ cho chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Bằng nhiều hình thức, tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn các cấp, các ngành địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân về nội dung, mục tiêu và lợi ích của việc phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung.

b) Về khoa học công nghệ

Về giống: tiếp tục đầu tư chọn, tạo, nhập mới giống rau năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng điều kiện biến đổi khí hậu.

Về kỹ thuật sản xuất: Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy trình kỹ thuật sản

xuất rau an toàn; khuyến khích ứng dụng công nghệ cao, quy trình canh tác bền vững: hạn chế sử dụng hóa chất vô cơ; tăng cường sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ, vi sinh. Ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong xử lý và bảo quản rau tươi

Ưu tiên chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ mới, công nghệ số trong quản trị, sản xuất và tiêu thụ rau an toàn

Tập trung hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về rau an toàn phục vụ quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm; hài hòa hóa tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu.

Xây dựng các mô hình điểm về vùng sản xuất rau an toàn, tập trung theo chuỗi liên kết từ sản xuất, thu mua, bảo quản, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ phẩm.

c) Thị trường tiêu thụ

Đẩy mạnh tuyên truyền sâu rộng đến địa phương, doanh nghiệp người dân về mã số vùng trồng, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và của các nước nhập khẩu nông sản lớn của ta như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU để tạo điều kiện thâm nhập các thị trường này.

Đối với thị trường trong nước, các địa phương cần hỗ trợ các tổ chức, cá nhân xây dựng thương hiệu sản phẩm rau an toàn, gắn với chỉ dẫn địa lý; đẩy mạnh các hoạt động kết nối, triển lãm, quảng bá, xúc tiến thương mại để người tiêu dùng trong nước có đủ thông tin về sản phẩm; đa dạng hóa các kênh phân phối rau an toàn phù hợp, có hiệu quả.

Đối với thị trường xuất khẩu, các địa phương tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ và doanh nghiệp thực hiện các biện pháp mở rộng thị trường xuất khẩu; trọng tâm là sản xuất các sản phẩm theo nhu cầu thị trường các nước nhập khẩu và tháo gỡ rào cản thương mại nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hàng hóa của Việt Nam thâm nhập vào thị trường các nước.

d) Về đầu tư

Nhà nước đầu tư/hỗ trợ đầu tư nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ về giống, canh tác, thu hoạch, bảo quản, sơ chế, chế biến rau an toàn; liên kết sản xuất, phát triển vùng nguyên liệu, quản lý vùng trồng và truy xuất nguồn gốc; quy hoạch, chứng nhận vùng trồng, cơ sở sản xuất đủ điều kiện sản xuất an toàn; xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ; xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi, giao thông nội đồng và các công trình hạ tầng thiết yếu khác phục vụ phát triển vùng sản xuất rau an toàn, tập trung.

Các hộ gia đình đầu tư phát triển vùng trồng để hình thành vùng sản xuất rau an toàn, tập trung. Hợp tác xã, liên kết với các hộ gia đình và doanh nghiệp đầu tư nhà sơ chế, kho chứa sản phẩm, ưu tiên đầu tư kho mát bảo quản. Doanh nghiệp đầu tư nhà máy chế biến, tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả.

đ) Về cơ chế, chính sách

Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách đã ban hành: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 32/2017/NĐ-CP ngày 31/3/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015, số

116/2018/NĐ-CP ngày 7/9/2018 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 về chính sách phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020; Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2031-2030 theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020... Đồng thời tiếp tục rà soát, điều chỉnh bổ sung và ban hành cơ chế, chính sách mới hỗ trợ phát triển vùng sản xuất rau an toàn, tập trung.

4. Các dự án ưu tiên

- Xây dựng mô hình gắn mã số vùng trồng với truy xuất nguồn gốc đảm bảo kết nối thông tin từ khâu sản xuất đến thị trường;
- Xây dựng mô hình điểm để trình diễn và chuyển giao kỹ thuật sản xuất rau theo tiêu chuẩn GAP bảo đảm truy xuất nguồn gốc tại các vùng sinh thái;
- Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới và cơ giới hóa sản xuất rau tại các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung;
- Phục tráng và xây dựng trung tâm sản xuất các giống rau bản địa có giá trị kinh tế cao tại các vùng sinh thái;
- Xây dựng mô hình, dự án chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ rau tại các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung (Ưu tiên lựa chọn một số loại rau chủ lực, có lợi thế sản xuất của địa phương).

5. Nguồn vốn

Nguồn kinh phí thực hiện Đề án bao gồm: ngân sách nhà nước (trung ương, địa phương); các nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ vào các nhiệm vụ được giao trong Đề án, các bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và lập dự toán nhu cầu kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Các địa phương có trách nhiệm bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả.

Đến nay, Cục Trồng trọt đã dự thảo công văn xin ý kiến các Bộ ngành và địa phương; Tờ trình Thủ tướng Chính phủ; Quyết định phê duyệt Đề án và Báo cáo xây dựng Đề án.

Kính trình Thứ trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, CLT

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Như Cường